

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 59/2020/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* **Chị Cẩm Thị Th**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Bản D, xã T, huyện P, tỉnh Sơn La.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:* Ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* **Anh Hà Minh V**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/5/2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/5/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cẩm Thị Th và anh Hà Minh V.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:
  - a. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

- Chị Th và anh V xác nhận có 02 (hai) con chung là cháu Hà Minh V1, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Hà Minh Đ, sinh ngày 21/10/2014.
  - Khi ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Minh V1 đến khi thành niên; anh V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Minh Đ đến khi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.  
Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.
  - b. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Th và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.
  - c. Về án phí: Chị Th tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Th đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ 300.000 đồng (ba trăm nghìn), tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu số: AA/2018/0000901 ngày 11/02/2020. Trả lại cho chị Th 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp.
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.
4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện ;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hồng Mai**

